

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Anh Trần Văn N Sinh năm 1978

HKTT: Thôn 8, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hoá

- Chị Phan Thị O Sinh năm 1983

HKTT: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn N và chị Phan Thị O.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh N và chị O có 02 con chung là cháu Trần Phan Trà M, sinh ngày 11/10/2008 và cháu Trần Quốc V, sinh ngày 14/6/2012. Giao cả hai cháu cho chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi cháu hằng tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các cháu thành niên.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh N, chị O không yêu cầu Toà án giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và chia nợ chung của vợ chồng khi ly hôn của anh N và chị O do anh N và chị O đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu.

Về án phí DSST:

Anh Trần Văn N tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000448 ngày 04/4/2023 và biên lai số 0004153 ngày 08/12/2023. Anh Nam được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.110.000đ (Sáu triệu một trăm mười nghìn đồng).

Trả lại cho chị Phan Thị O số tiền 2.117.000đ (Hai triệu một trăm mười bảy nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000628 ngày 06/7/2023.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã Thuận Minh, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thịnh